

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SON

(Kèm theo Quyết định số 1561 /QĐ-UBND ngày 09 /7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (08 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP TỈNH (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (02 TTHC)				
01	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận (1.014021)	10 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	<ul style="list-style-type: none">- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp.- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	<ul style="list-style-type: none">- Luật đa dạng sinh học 2008;- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.
02	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (1.014022)	16 ngày làm việc			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
II	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (01 TTHC)				
01	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (3.000496)	<p>- Trường hợp không cần kiểm tra thực tế (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 03 ngày làm việc</p> <p>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế (không bao gồm Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 15 ngày làm việc</p> <p>- Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu:</p> <p>+ Trường hợp 1- Trường hợp Ban Thư ký CITES có văn bản chấp thuận: 22 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).</p> <p>+ Trường hợp 2 - Trường hợp Ban Thư ký CITES có văn bản thông báo từ chối duyệt hồ sơ: 19 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm/Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp.</p> <p>- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p>	<p>- Luật đa dạng sinh học 2008;</p> <p>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.</p> <p>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.</p>

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (04 TTHC)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (03 TTHC)						
01	1.008672	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	18 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;	- Điều 44 Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.
02	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	15 ngày làm việc	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.

03	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	27 ngày làm việc	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p>	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp.</p> <p>- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p>	<p>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.</p>
II LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (01 TTHC)							
01	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	<p>- Trường hợp không cần kiểm tra thực tế (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 03 ngày làm việc</p> <p>- Trường hợp cần kiểm tra thực tế (không bao gồm Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm/Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp.</p> <p>- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p>	<p>- Luật Lâm nghiệp 2017;</p> <p>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025.</p>

				<p><i>thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu</i>): 15 ngày làm việc</p> <p>- Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu:</p> <p>+ Trường hợp 1: Ban Thư ký CITES có văn bản chấp thuận: 22 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).</p> <p>+ Trường hợp 2: Ban Thư ký CITES có văn bản thông báo từ chối duyệt hồ sơ: 19 ngày làm việc (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES).</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ CẤP TỈNH (01 TTHC)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
-----	---------------	------------------------	---	---

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
01	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES.	Thủ tục hành chính có số thứ tự 23, Mục II Phần A tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp, Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phần II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ (02 TTHC)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (02 TTHC)							
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ.
2	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.		Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ.